TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/DS-ST
Ngày: 11-7-2023
"V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thới

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP Đ**. Địa chỉ trụ sở: Số B, N, phường T, Quận H, TP .. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N. Chức vụ: Phó Giám đốc - Khối quản lý và T cấu trúc tài sản. Địa chỉ liên hệ: lầu 2, số 264E, L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Trung N: Nguyễn Trọng N1 (vắng mặt), sinh năm 1986 và Trịnh Quyền A (có mặt), sinh năm 1999; địa chỉ:

Lầu F, số A T, phường A, quận N, TP . (Giấy ủy quyền số 2758/UQ-PVB ngày 28/10/2022).

- ***Bị đơn:***

1. Anh **Võ Hoài H**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị Cẩm V**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2022 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) do Trịnh Quyền A là người đại diện hợp pháp trình bày:

Vợ chồng anh Võ Hoài H, chị Nguyễn Thị Cẩm V trước đây là nhân viên làm việc tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh V1. Căn cứ trên mức lương và thâm niên công tác của anh H, Ngân hàng cho anh H và chị V vay tiền, không có tài sản bảo đảm. Cụ thể:

1. Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 643/2014/HĐCV-PVB-VL ngày 03/11/2014 được ký kết giữa chị V, anh H với Ngân hàng.

Thời hạn vay 60 tháng; mục đích tiêu dùng; số tiền giải ngân 30.000.000đ theo khế ước nhận nợ ngày 04/11/2014; quy định mỗi tháng khách hàng phải trả 500.000đ nợ gốc, lãi tính trên dư nợ gốc còn lại. Mức lãi suất quy định chi tiết tại Điều 2 của Hợp đồng.

Anh H và chị V đã thanh toán 7.000.000đ nợ gốc và 3.825.681đ nợ lãi. Tổng cộng: 10.825.681đ. Từ ngày 14/01/2016, anh H và chị V ngưng không thanh toán cho đến nay.

Tính đến ngày 11/7/2023, anh H và chị V còn nợ tổng cộng 55.529.804đ (Trong đó: Nợ gốc là 23.000.000đ; nợ lãi 32.529.804đ. Bao gồm: Lãi quá hạn (còn được gọi là lãi trong hạn chưa thanh toán): 4.857.504đ; lãi trên nợ gốc 22.352.254đ; lãi chậm trả: 5.320.046đ).

2. Tiếp theo vào ngày 15/01/2016, cá nhân anh H với Ngân hàng ký hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/01/2016.

Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/7/2016 (thời hạn 06 tháng); mục đích vay: Thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác; số tiền giải ngân: 70.000.000đ; lãi suất quy định

tại Điều 2 của hợp đồng. Anh H đã rút hết 70.000.000đ vào ngày 25/01/2016. Sau đó, anh H thanh toán tổng cộng: 13.521.765đ, gồm: nợ gốc: 12.545.664đ; lãi trong hạn: 976.101đ.

Kể từ ngày 18/7/2016, anh H ngưng thanh toán nên toàn bộ dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 18/7/2016.

Tính đến ngày 11/7/2023 anh H còn nợ: Tổng cộng 120.292.418đ. Bao gồm nợ gốc: 57.454.336đ; Lãi quá hạn (còn được gọi là lãi trong hạn chưa thanh toán): 2.388.176đ và lãi trên nợ gốc: 58.134.569đ; Lãi chậm trả: 2.315.337đ.

Trường hợp anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V để thanh toán khoản vay.

Ngân hàng nhiều lần cử cán bộ đến làm việc với anh H và chị V về hai khoản vay trên nhưng không gặp được anh H, chị V nên không có biên bản làm việc cung cấp cho Tòa án. Hiện nay anh H đã nghỉ việc. Từ khi khởi kiện cho đến nay Ngân hàng không làm việc được với anh H và chị V, điện thoại cũng không liên lạc được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Trịnh Quyền A là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể như sau:

Ngân hàng yêu cầu anh H và chị V liên đới trả Ngân hàng nợ vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 643/2014/HĐCV-PVB-VL ngày 03/11/2014, tính đến ngày 11/7/2023 tổng cộng 55.529.804đ (Trong đó: Nợ gốc là 23.000.000đ; lãi 32.529.804đ. Bao gồm: Lãi quá hạn: 4.857.504đ; lãi trên nợ gốc quá hạn: 22.352.254đ; lãi chậm trả lãi: 5.320.046đ và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

Ngân hàng yêu cầu cá nhân anh H trả nợ vay theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/01/2016, tính đến ngày 11/7/2023 anh H còn nợ tổng cộng 120.292.418đ. Bao gồm nợ gốc: 57.454.336đ; Lãi quá hạn: 2.388.176đ; lãi trên nợ gốc: 58.134.569đ; Lãi chậm trả lãi: 2.315.337đ.

Anh H và chị V phải chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng khác.

Hiện nay, Ngân hàng đang giữ bảng gốc bằng Đại học của Võ Hoài H theo nội dung tại khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/01/2016. Nếu anh H thanh toán xong nợ gốc và lãi của hợp đồng thấu chi thì Ngân hàng sẽ trả bản gốc bằng Đại học cho anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 40, 147, 157, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V phải liên đới trả Ngân hàng TMCP Đ nợ vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 643/2014/HĐCV-PVB-VL ngày 03/11/2014, tính đến ngày 11/7/2023, nợ gốc là 23.000.000đ; nợ lãi 32.529.804đ. Bao gồm: Lãi quá hạn: 4.857.504đ; lãi trên nợ gốc 22.352.254đ; lãi chậm trả lãi: 485.750đ và tiếp tục trả lãi cho đến khi nào thanh toán xong khoản vay.

Buộc anh Võ Hoài H phải trả Ngân hàng TMCP Đ nợ vay theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/11/2016. Tính đến ngày 11/7/2023, Bao gồm nợ gốc: 57.454.336đ; Lãi quá hạn: 2.388.176đ và lãi trên nợ gốc: 58.134.569đ; Lãi chậm trả: 238.817đ và tiếp tục trả lãi cho đến khi nào thanh toán xong khoản vay.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh H và chị V trả lãi chậm trả lãi theo mức lãi suất 150% x lãi trong hạn chưa thanh toán là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận lãi chậm trả lãi theo lãi suất 10% x lãi trong hạn chưa thanh toán x thời gian chậm trả lãi.

Án phí: anh H, chị V phải nộp án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật; Ngân hàng phải nộp án phí phần không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện anh H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng quyền và lợi ích của Ngân hàng bị xâm phạm là có quyền khởi kiện.

Tại mục 8.1 Điều 8 của Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương ngày 03/11/2014 và Hợp đồng hạn mức thấu chi ngày 15/01/2016, các bên có thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp thì Tòa án nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi thực hiện hợp đồng. Các bên thống nhất rằng nơi thực hiện hợp đồng là nơi có địa điểm của bên cho vay nêu tại phần đầu của hợp đồng. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và phù hợp với sự thỏa thuận của các bên.

Theo kết quả xác minh của Công an P, thành phố V: anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V trước đây có đăng ký hộ khẩu tại I, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, do đổi tên đường nên địa chỉ số F, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với địa chỉ I, đường T, Phường D là cùng một địa chỉ. Đến ngày 09/10/2017, anh H và chị V đã chuyển về địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Anh H và chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên xử vắng mặt đương sự. Vì vậy thủ tục tố tụng đảm bảo quy định tại các Điều 30, 35, 40, 186, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 643/2014/HĐCV-PVB-VL ngày 03/11/2014 giữa chị V, anh H với Ngân hàng được xác lập là tự nguyện, công khai, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mức cấp tín dụng là 30.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho anh H, chị V nhận trực tiếp theo Khế ước nhận nợ ngày 04/11/2014.

Anh H và chị V đã thanh toán tổng cộng: 10.825.681đ (bao gồm: nợ gốc: 7.000.000đ và 3.825.681đ nợ lãi). Từ ngày 14/01/2016, anh H và chị V ngưng không thanh toán cho đến nay.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc anh H, chị V liên đới trả Ngân hàng nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 643/2014/HĐCV-PVB-VL ngày 03/11/2014 là có căn cứ.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng "lãi chậm trả lãi" tính đến ngày 11/7/2023 là 5.320.046đ theo mức lãi suất 150%/năm trên lãi quá hạn chưa thanh toán (4.857.504đ) là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên chỉ chấp nhận "lãi chậm trả lãi" bằng 10%/năm trên lãi quá hạn chưa thanh toán x thời gian chậm trả lãi. Cụ thể, buộc anh H và chị V thanh toán lãi chậm trả lãi cho Ngân hàng số tiền 485.750đ.

Do đó, buộc anh H và chị V liên đới trả Ngân hàng tổng cộng: 50.695.508đ (bao gồm: nợ gốc: 23.000.000đ, lãi quá hạn: 4.857.504đ, lãi trên nợ gốc: 22.352.254đ và lãi chậm trả lãi: 485.750đ). Anh H và chị V phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc cho đến khi nào thanh toán xong khoản vay.

[2.2] Xét Hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/01/2016, được xác lập giữa anh Võ Hoài H với Ngân hàng là tự nguyện, công khai, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, số tiền giải ngân: 70.000.000đ. Anh H đã sử dụng hết hạn mức được cấp và vi phạm nghĩa vụ thanh toán, món nợ bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 18/7/2016 cho đến nay, nên Ngân hàng yêu cầu anh H trả nợ là có căn cứ.

Về lãi chậm trả lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả lãi bằng 150% trên lãi quá hạn là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên chỉ chấp nhận "lãi chậm trả lãi" bằng 10%/năm trên lãi quá hạn chưa thanh toán.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về lãi chậm trả. Buộc anh H phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 11/7/2023, tổng cộng:

118.215.898đ (bao gồm: nợ gốc: 57.454.336đ, lãi quá hạn: 2.388.176đ, lãi trên nợ gốc quá hạn: 58.134.569đ và lãi chậm trả lãi: 238.817đ). Anh H phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc cho đến khi nào thanh toán xong khoản vay là có căn cứ.

[3] Tại khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/01/2016 thể hiện: Ngân hàng đang giữ Bản gốc bằng Đại học của Võ Hoài H.

Tại phiên tòa, chị A là người đại diện của nguyên đơn cũng xác định: Ngân hàng đang giữ bảng gốc bằng tốt nghiệp Đại học của Võ Hoài H, số hiệu bằng A 0118161, số vào sổ 016/TM/05 của Trường Đại học C. Nếu anh H thanh toán xong nợ gốc và lãi của hợp đồng thấu chi thì Ngân hàng sẽ trả bản gốc lại cho anh H.

Xét thấy, anh H vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, Ngân hàng cho anh H, chị V vay tiền không có tài sản bảo đảm. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: nếu anh H, chị V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của anh H và chị V để thanh toán nợ vay là không có căn cứ xem xét, đồng thời thẩm quyền tổ chức thi hành bản án có hiệu lực pháp luật thuộc cơ quan thi hành án dân sự, nên không chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V phải liên đới nộp 2.534.775đ (tính tròn 2.535.000đ) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Võ Hoài H phải nộp 5.910.795đ (tính tròn 5.911.000đ) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Ngân hàng phải nộp: 352.725đ (tính tròn 353.000đ), khấu trừ tạm ứng án phí, nên trả lại 940.275đ.

Như phân tích trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

2. Buộc anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V phải liên đới trả Ngân hàng TMCP Đ nợ vay theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 643/2014/HĐCV-PVB-VL ngày 03/11/2014 tính đến ngày 11/7/2023 tổng cộng: 50.695.508đ (năm mươi triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm lẽ tám đồng). Bao gồm: nợ gốc là 23.000.000đ, lãi quá hạn: 4.857.504đ, lãi trên nợ gốc 22.352.254đ và lãi chậm trả lãi: 485.750đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 643/2014/HĐCV-PVB-VL ngày 03/11/2014 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Buộc anh Võ Hoài H phải trả Ngân hàng TMCP Đ nợ vay theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/01/2016 tính đến ngày 11/7/2023, tổng cộng: 118.215.898đ (một trăm mười tám triệu, hai trăm mười lăm ngàn, tám trăm chín mươi tám đồng). Bao gồm: nợ gốc: 57.454.336đ, lãi quá hạn: 2.388.176đ, lãi trên nợ gốc quá hạn: 58.134.569đ và lãi chậm trả lãi: 238.817đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Võ Hoài H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 193/2016/HĐHMCV-PVB-CNVL ngày 15/11/2016 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi

suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Võ Hoài H và chị Nguyễn Thị Cẩm V phải liên đới nộp 2.535.000đ (hai triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Võ Hoài H phải nộp 5.911.000đ (năm triệu chín trăm mười một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Ngân hàng TMCP Đ phải nộp: 353.000đ (ba trăm năm mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.293.000đ (một triệu hai trăm chín mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001762 ngày 27/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên trả lại 940.000đ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Thuận